| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH THÁI BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 22/2024/HS - ST
Ngày 10/4/2024

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Phạm Ngọc Thành.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Hoàng Thị Len

Bà Vũ Thị Nga

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Sáng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:*** Bà Hoàng Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 14/2024/TLST-HS ngày 28 tháng 02 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2024/QĐXXST-HS, ngày 27 tháng 3 năm 2024 đối với các bị cáo:

**1. Mai Văn B**, sinh năm 1959; Nơi cư trú: Thôn TCN, xã TT, huyện TT1, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ xây dựng XH; trình độ học vấn: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Văn N và bà Khúc Thị N1 (đều đã chết); có vợ bà Lê Thị D, sinh năm 1964 và 06 con, con lớn nhất sinh năm 1989; con nhỏ nhất sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: Năm 1978 tham gia thanh niên xung phong tại Đắk Lắk; từ năm 1980 đến năm 1983 tham gia quân đội nhân dân Việt Nam thuộc Sư đoàn 329. Bị tạm giam từ ngày 08/9/2023 đến ngày 02/02/2024 thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lĩnh. (Có mặt)

**2. Bùi Sỹ C**, sinh năm 1983; Nơi cư trú: Thôn LT, xã TT, huyện TT1, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lái máy xúc; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Sỹ Q, sinh năm 1962 và bà Đỗ Thị H, sinh năm 1963; có vợ chị Vũ Thị N, sinh năm 1989 và 03 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

**3. Đồng Minh Ch**, sinh năm 1974; Nơi cư trú: Thôn Thượng Phúc, xã TT, huyện TT1, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Nguyên Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã TT, huyện TT1; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đồng Minh Chuyên (đã chết) và bà Vũ Thị Y, sinh năm 1933; có vợ bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1977 và 02 con, con lớn sinh năm 1996; con nhỏ nhất sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: Bị tạm đình chỉ chức vụ Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã TT theo Quyết định số 218 ngày 29/01/2024 và Quyết định số 293 ngày 15/02/2024 của Uỷ ban nhân huyện TT1 về việc kéo dài thời gian tạm đình chỉ; bị cáo đã bị đình chỉ sinh hoạt cấp ủy theo Quyết định số 544 ngày 26/01/2024 của Huyện ủy TT1; là đại biểu Hội đồng nhân dân xã TT nhiệm kỳ 2021–2026 đã bị đình chỉ đại biểu Hội đồng nhân dân xã theo Quyết định số 01/QĐ-HĐND ngày 20/02/2024 của Hội đồng nhân dân xã TT; là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 558-QĐ/HU ngày 04/3/2024 của Huyện ủy TT1. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

**4. Nguyễn Mậu T**, sinh năm 1972; Nơi cư trú: Thôn BT, xã HD, huyện TT1, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Nguyên Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã TT, huyện TT1; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Mậu L và bà Đào Thị L (đều đã chết); có vợ bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1978 và 02 con, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: Bị tạm đình chỉ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã TT, huyện TT1 theo Quyết định số 219 ngày 29/01/2024 và Quyết định số 292 ngày 15/02/2024 của Uỷ ban nhân dân huyện TT1 về việc kéo dài thời gian tạm đình chỉ; bị đình chỉ sinh hoạt cấp ủy theo Quyết định số 543 ngày 26/01/2024 của Huyện ủy TT1; là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 559-QĐ/HU ngày 04/3/2024 của Huyện ủy TT1. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

**5. Bùi Anh B1**, sinh năm 1963; Nơi cư trú: Thôn CB, xã TT, huyện TT1, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Công chức địa Ch xã TT, huyện TT1; trình độ học vấn: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Hữu X, sinh năm 1928 và bà Lê Thị T (đã chết); có vợ bà Lê Thị P, sinh năm 1968 và 02 con, con lớn sinh năm 1990, con nhỏ sinh năm 1992; tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: Là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 111-QĐ/UBKTHU ngày 04/3/2024 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy TT1. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn xây dựng XH

Đại diện theo pháp luật: Mai Văn B - Chức vụ: Giám đốc (là bị cáo trong vụ án) (Có mặt)

- Ông Nguyễn Đức D, sinh năm 1975; Địa chỉ: Thôn TX, xã TT, huyện TT1, tỉnh Thái Bình. (Vắng mặt)

- Ông Nguyễn Văn C2, sinh năm 1971; Địa chỉ: Thôn ĐX, xã TT, huyện TT1, tỉnh Thái Bình. (Có mặt)

- Ông Lê Xuân T3, sinh năm 1988 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn TCN, xã TT, huyện TT1, tỉnh Thái Bình.

* *Người làm chứng:*

- Ông Vũ Văn T4, sinh năm 1979; Địa chỉ: Thôn CB, xã TT, huyện TT1, tỉnh Thái Bình. (Có mặt)

- Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1983 (Có mặt)

- Ông Nguyễn Hữu H3, sinh năm 1974 (Có mặt)

- Ông Nguyễn Thái D2, sinh năm 1982 (Có mặt)

- Bà Lê Thị M, sinh năm 1983 (Vắng mặt)

- Ông Nguyễn Văn B2, sinh năm 1967 (Có mặt)

- Ông Nguyễn Cao C4, sinh năm 1955 (Có mặt)

- Bà Phạm Thị V, sinh năm 1972 (Vắng mặt)

- Ông Phùng Văn X, sinh năm 1969 (Vắng mặt)

Đều trú tại: Thôn LT, xã TT, huyện TT1, tỉnh Thái Bình.

- Ông Đỗ Đức N, sinh năm 1971; Địa chỉ: Thôn CB, xã TT, huyện TT1, tỉnh Thái Bình. (Có mặt)

- Bà Nguyễn Thị T5, sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn ACT, xã AT, huyện TT1, tỉnh Thái Bình. (Có mặt)

- Bà Nguyễn Thị Vân A, sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn ACN, xã AT, huyện TT1, tỉnh Thái Bình. (Có mặt)

- Ông Lê Xuân L, sinh năm 1975 (Có mặt)

- Ông Hồ Hữu T3, sinh năm 1964 (Có mặt)

Đều trú tại: Thôn Tam Tri, xã TT, huyện TT1, tỉnh Thái Bình.

- Ông Mai Đăng C5, sinh năm 1982; Địa chỉ: Thôn Thượng Phúc, xã TT, huyện TT1, tỉnh Thái Bình. (Có mặt)

- Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1965 (Vắng mặt)

- Ông Nguyễn Sỹ T4, sinh năm 1976 (Có mặt)

Đều trú tại: Thôn TCN, xã TT, huyện TT1, tỉnh Thái Bình.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

**1. Hành vi khai thác tài nguyên đất, cát trái phép**

Khu di tích lịch sử ĐC xã TT, huyện TT1 là công trình thuộc quản lý của Uỷ ban nhân dân xã TT có diện tích 9780,3m$^2$. Sau khi được Đảng ủy và Hội đồng nhân dân xã TT đồng ý cho mở rộng khuôn viên ĐC trong đó có hạng mục san lấp, kè đá; nguồn vốn thực hiện công trình bằng tiền xã hội hóa. Tháng 02/2023, Đồng Minh Ch, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã TT trao đổi với Mai Văn B - Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng XH (viết tắt là Công ty XH) về việc Uỷ ban nhân dân xã dự định giao công trình san lấp khu vực ĐC cho công ty của B, kinh phí thực hiện là tiền công đức và của bà con nhân dân ủng hộ song chưa thanh toán ngay được nếu nhận công trình san lấp này thì phải tự bỏ chi phí ra thực hiện rồi sẽ thanh toán sau, Mai Văn B đồng ý làm. Cũng trong tháng 02/2023, thôn TX, xã TT có chủ trương làm rãnh thoát nước sân vận động của thôn, ông Hồ Trọng Kiển, sinh năm 1951 (chết tháng 10/2023) là trưởng thôn liên hệ, thống nhất với Mai Văn B là thôn không trả công mà trả bằng đất đào lên để Mai Văn B san lấp công trình ĐC. Trong khoảng thời gian từ ngày 20/02/2023 đến cuối tháng 3/2023, Mai Văn B chỉ đạo Bùi Sỹ C, nhân viên Công ty XH sử dụng máy xúc DOOSAN múc đất lên xe ô tô biển kiểm soát 17C-159.74 do Vũ Đức Huy, sinh năm 1991, trú ở thôn TCN, xã TT, huyện TT1 điều khiển, mỗi ngày chở được 16 chuyến, khối lượng khoảng 4m$^3$ đất/1 chuyến đem về sân ĐC tập kết. Cuối tháng 3/2023, Mai Văn B chỉ đạo Bùi Sỹ C sử dụng máy xúc DOOSAN đến bờ sông Từ Trường (sông N2), thuộc địa phận thôn LT, xã TT múc đất bờ sông lên xe ô tô 17C-159.74 do anh Vũ Đức H3 điều khiển chở về tập kết ở sân ĐC. Sau đó, Mai Văn B thuê 02 xe ô tô biển kiểm soát 23C-0060 và 34C-013.62 của anh Phạm Duy Thái, sinh năm 1967 và anh Nguyễn Văn Dũng, sinh năm 1968 đều trú ở thôn CB, xã TT đến chở đất khai thác ở bờ sông Từ Trường về tập kết ở sân ĐC. Ngày 24/4/2023, Xí nghiệp khai thác công trình T3 lợi TT1 phát hiện yêu cầu dừng việc khai thác, lập biên bản yêu cầu hoàn trả nguyên trạng mặt bằng. Mai Văn B chỉ đạo Bùi Sỹ C sử dụng máy xúc, múc đất ở dưới lòng sông đắp lại bờ sông phần đã khai thác. Đến ngày 12/4/2023, Uỷ ban nhân dân xã TT ký Hợp đồng xây dựng số 01-04/2023/HĐXD-UBND với Mai Văn B, tổng giá trị công trình 2.705.384.000 đồng, trong đó chi phí san lấp bằng cát là 1.913.707.000 đồng, thời gian hoàn thành từ ngày 18/4/2023 đến ngày 18/12/2023. Quá trình thi công san lấp do giá

cát đen cao lại khó mua, mặt khác sắp diễn ra lễ hội ĐC nên Mai Văn B đề nghị Uỷ ban nhân dân xã xin được thay thế cát đen bằng đất. Ngày 17/5/2023, Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và Thanh tra nhân dân xã TT họp có sự tham gia của Mai Văn B, thống nhất đồng ý với đề nghị của Mai Văn B cho phép thay thế cát đen san lấp công trình bằng đất. Tháng 5/2023, Mai Văn B đến nhà ông Vũ Văn Trường, sinh năm 1979, trú ở thôn CB, xã TT, huyện TT1 xin khai thác đất bờ ao ở thôn LT, xã TT, được anh Trường đồng ý. Mai Văn B chỉ đạo Bùi Sỹ C đem máy xúc DOOSAN đến múc khai thác đất khoảng 3 đến 4 ngày đổ lên 04 xe ô tô, gồm: 01 xe ô tô biển kiểm soát 17C - 159.74 do Vũ Đức H3 điều khiển; các xe ô tô biển kiểm soát 23C - 0060, 34C - 013.62 và 34L - 6160 do các anh Phạm Duy Thái, Nguyễn Văn Dũng và Phạm Văn Hội đều trú tại thôn Tứ Cường, xã Thụy Quỳnh, huyện TT1 điều khiển chở về san lấp công trình ĐC. Cũng trong tháng 5/2023, Mai Văn B đến 07 hộ gia đình có ao ở thôn LT, xã TT liên hệ xin khai thác đất ở bờ ao, do không mất kinh phí cải tạo ao nên các gia đình đều đồng ý để Mai Văn B khai thác. Sau đó, Mai Văn B chỉ đạo Bùi Sỹ C đem máy xúc DOOSAN múc đất bờ ao của 07 hộ gia đình, gồm: gia đình ông Phùng Văn X, sinh năm 1969; ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1967; ông Nguyễn Huy C, sinh năm 1949; bà Phạm Thị V, sinh năm 1972; ông Nguyễn Khắc A, sinh năm 1974; ông Nguyễn Cao C, sinh năm1955 đều trú tại thôn LT, xã TT, huyện TT1 và ông Nguyễn Thái D, sinh năm 1974 trú tại thôn TCN, xã TT, huyện TT1 có ao ở thôn LT, xã TT đổ lên xe ô tô 17C - 159.74 do anh Vũ Đức H điều khiển và đổ lên 6 xe ô ô biển kiểm soát 23C - 0060, 34C - 013.62, 34L - 6160; 16M - 6407, 16N - 7217, 15C -000.06 thuê của các anh Phạm Duy T, Nguyễn Văn D, Phạm Văn H, Phạm Thanh H, Phạm Văn K và Nguyễn Đức T điều khiển chở đất về san lấp công trình ĐC. Cuối tháng 5/2023, ông Nguyễn Hữu H, sinh năm 1974, trú tại thôn LT, xã TT, huyện TT1 đến gặp Mai Văn B nhờ múc đất bờ ao để cải tạo 02 ao liền nhau thành 01 ao và cải tạo lòng ao cho bằng nhau được Mai Văn B đồng ý. Ngày 03/6/2023, Mai Văn B chỉ đạo Bùi Sỹ C đem máy xúc DOOSAN đến múc đất bờ ao đổ lên xe để chở về san lấp công trình ĐC. Ngày 04/6/2023, Mai Văn B thuê anh Nguyễn Văn C2, sinh năm 1971, trú ở thôn Đồng Xuân, xã TT, huyện TT1 đặt máy nổ, ống dẫn hút cát dưới lòng ao nhà anh Hảo đến sân ĐC. Từ ngày 05/6/2023 đến ngày 27/8/2023, anh C2 đã hút cát từ ao bơm vào san lấp công trình ĐC. Giữa tháng 7/2023, Mai Văn B liên hệ với bà Nguyễn Thị Hòa, sinh năm 1983, trú ở thôn LT, xã TT, huyện TT1 xin khai thác đất bờ ao, được bà Hòa đồng ý. Mai Văn B chỉ đạo Bùi Sỹ C đem máy xúc DOOSAN đến múc đất ao gia đình bà Hòa đổ lên 06 xe ô tô biển kiểm soát 23C - 0060, 34C-013.62, 34L - 6160; 16M - 6407, 16N - 7217, 15C - 000.06 chở về san lấp công trình ĐC. Ngày 18/7/2023, Mai Văn B biết nhà ông Trường có nhu cầu cải tạo ao đến gặp trao đổi hút cát để cải tạo lòng ao được ông Trường đồng ý. Sau đó, Mai Văn B liên hệ với anh Nguyễn Đức D, sinh năm 1975, trú tại thôn TX, xã TT, huyện TT1 lắp đặt máy

nổ, ống dẫn bơm hút cát từ ao nhà ông Trường đến sân ĐC, thống nhất giá hút cát 50.000 đồng/1m$^3$. Từ ngày 20/7/2023 đến ngày 28/7/2023, anh D cùng anh Nguyễn Quang Đ, sinh năm 1986 và anh Phạm Văn L, sinh năm 1987 đều trú ở thôn Tân Hưng, xã Tây Hưng, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng lắp đặt máy nổ, ống dây dẫn hút cát từ ao nhà ông Trường đến sân san lấp công trình ĐC. Đến ngày 28/7/2023, khi Mai Văn B đang khai thác cát tại 02 ao nhà bà Hoà và ông Trường thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình phát hiện, bắt quả tang.

Ngày 28/7/2023, theo yêu cầu của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình, Công ty cổ phần tư vấn Công nghệ môi trường Việt Nam đã tiến hành đo đạc, xác định khối lượng cát và đất mà Mai Văn B san lấp công trình ĐC xác định tổng khối lượng là 7.754,91 m$^3$ đất và cát, trị giá 1.061.862.250 đồng, trong đó: khối lượng cát là 1.534,97 m$^3$, trị giá 253.270.050 đồng; đất là 6.219,94 m$^3$, trị giá 808.592.200 đồng.

**2. Hành vi thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng:**

Tháng 02/2023, quá trình thực hiện kiểm tra việc chấp hành pháp luật của người dân trên địa bàn xã TT, huyện TT1, Nguyễn Mậu T, Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã phụ trách quản lý đất đai, tài nguyên, xây dựng cơ bản và Bùi Anh B1, công chức địa Ch phụ trách đất đai, tài nguyên, môi trường phát hiện Mai Văn B, Bùi Sỹ C khai thác đất ở khu vực sân vận động thôn TX, xã TT trái phép để làm vật liệu san lấp công trình ĐC, nhưng Nguyễn Mậu T và Bùi Anh B1 không có biện pháp ngăn chặn, không tham mưu cho Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã ngăn chặn và xử lý.

Ngày 24/4/2023, Xí nghiệp khai thác công trình T3 lợi TT1 phát hiện Mai Văn B, Bùi Sỹ C đang khai thác đất trái phép tại bờ sông Từ Trường, thuộc địa phận thôn LT, xã TT đã thông báo cho Uỷ ban nhân dân xã TT biết. Đồng Minh Ch, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã chỉ đạo T và B1 phối hợp với Xí nghiệp khai thác công trình T3 lợi TT1 lập biên bản về hành vi khai thác đất trái phép và yêu cầu Mai Văn B hoàn trả mặt bằng công trình T3 lợi. Cùng ngày, T báo cáo lại nội dung sự việc cho Ch nhưng Ch cho rằng thẩm quyền xử lý là Xí nghiệp khai thác công trình T3 lợi TT1 nên không chỉ đạo xử lý, còn T và B1 cũng không tham mưu, đề xuất để Uỷ ban nhân dân xã xử lý hành Ch về hành vi khai thác đất trái phép của Mai Văn B, Bùi Sỹ C. Ngày 10/5/2023, quá trình kiểm tra tại công trình san lấp ĐC, T phát hiện nhiều xe ô tô chở đất đổ xuống công trình ĐC nên đi theo, phát hiện Mai Văn B chỉ đạo khai thác đất tại bờ ao của một số hộ dân tại thôn LT, xã TT làm vật liệu san lấp mà không dùng cát đen san lấp theo hợp đồng. T yêu cầu Mai Văn B dừng việc khai thác đất về báo cáo lại cho Ch biết. Theo đề nghị của Mai Văn B và báo cáo của T, Ch chỉ đạo T tổ chức hội nghị mời các thành phần tham dự, gồm: ông Lê Xuân Luân, Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã; bà

Nguyễn Thị Vân Anh, công chức địa Ch 2; bà Nguyễn Thị Thúy, công chức kế toán; ông Hồ Hữu T3, công chức văn hóa xã; ông Đỗ Đức Nam, Phó Bí Thư Đảng ủy xã; ông Mai Đăng C, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã; ông Nguyễn Sỹ Thu, Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc xã; ông Nguyễn Văn Q, Trưởng ban Thanh tra nhân dân xã và Mai Văn B đại diện Công ty XH đơn vị thi công công trình ĐC dự bàn bạc về việc tìm giải pháp xử lý đối với vật liệu san lấp công trình. Ngày 17/5/2023, tại Hội trường Uỷ ban nhân dân xã TT, Nguyễn Mậu T chủ trì hội nghị. Theo đề nghị của Mai Văn B các thành phần dự hội nghị thống nhất thay đổi vật liệu san lấp cát 100% bằng san lập đất, xác định giá đất thanh toán là 120.000 đồng/1m$^3$. Sau đó, T báo cáo lại nội dung hội nghị cho Ch biết, Ch chỉ đạo cán bộ phụ trách điều chỉnh lại dự toán để báo cáo Ch quyền xã TT. Sau đó, Mai Văn B vẫn chỉ đạo Bùi Sỹ C tiếp tục khai thác đất, cát trái phép ở các ao thuộc thôn LT, xã TT. Kể từ khi Xí nghiệp khai thác các công trình thuỷ lợi huyện TT1 phát hiện Mai Văn B khai thác đất trái phép, Đồng Minh Ch chỉ đạo Nguyễn Mậu T, Bùi Anh B1 ngăn chặn, xử lý và sau đó biết Mai Văn B vẫn tiếp tục khai thác đất, cát trái phép nhưng Nguyễn Mậu T, Bùi Anh B1 không tham mưu, đề xuất xử lý, còn Đồng Minh Ch không chỉ đạo xử lý đã vi phạm quy tại khoản 3 Điều 18 Luật Khoáng sản; Điều 36 Luật tổ chức Ch quyền địa phương; khoản 4 Điều 2 Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06/11/2019 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và Quy chế làm việc của Uỷ ban nhân dân xã TT nhiệm kỳ 2021- 2026, ban hành kèm theo Quyết định số 175/QĐ-UBND ngày 10/9/2022 của Uỷ ban nhân dân xã TT. Như vậy, Đồng Minh Ch, Nguyễn Mậu T, Bùi Anh B1 không thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình để Mai Văn B khai thác trái phép 7.754,91m$^3$ đất và cát gây thiệt hại về tài sản 1.061.862.250 đồng, trong đó Nguyễn Mậu T, Bùi Anh B1 thiếu trách nhiệm gây ra thiệt hại tài sản 1.061.862.250 đồng, Đồng Minh Ch đến ngày 24/4/2023 mới biết Mai Văn B khai thác đất, cát trái phép nhưng không có biện pháp ngăn chặn phải chịu trách nhiệm về thiệt hại 596.930.200 đồng.

- Văn bản số 25/CV ngày 06/9/2023 của Công ty cổ phần tư vấn Công nghệ môi trường Việt Nam đo đạc khối lượng đất, cát san lấp tại công trình ĐC thôn LT, xã TT, huyện TT1:

*"+ Khối lượng san lấp bằng cát khu vực cát bơm của ông Nguyễn Đức D (bản vẽ TMB 03) là: 402,13 m$^3$;*

*+ Khối lượng san lấp bằng cát khu vực cát bơm của ông Nguyễn Văn C2 (bản vẽ TMB 04) là: 647,07 m$^3$;*

*+ Khối lượng san lấp bằng cát khu vực cát bơm của ông Nguyễn Văn C2 (bản vẽ TMB 05) là: 617,77 m$^3$;*

*+ Khối lượng đất san lấp (bản vẽ TMB 02) là: 6.269,94 m$^3$;*

*Tổng khối lượng san lấp là 8.650,3 $m^3$ (trong đó: Khoáng sản đất, cát đã san lấp là 7.936,91$m^3$; san lấp gạch vỡ là 713,39$m^3$)".*

- Công văn số 2535 ngày 06/9/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Bình xác định: Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình không cấp giấy phép khai thác khoáng sản tại các vị trí trên địa bàn xã TT, huyện TT1, tỉnh Thái Bình.

- Kết luận giám định số GĐ/12-2023 ngày 18/8/2023 của Trung tâm phân tích và kiểm định địa chất - Cục Địa chất Việt Nam, kết luận:*" 11 mẫu từ M1 đến M11 được gửi giám định là khoáng sản; Khoáng sản là đất sét, cát dùng làm vật liệu xây dựng thông thường"*;

- Kết luận định giá tài sản số 55 ngày 07/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự, Ủy ban nhân dân huyện TT1, kết luận: Tổng khối lượng khoáng sản đất và cát san lấp khai thác trái phép có trị giá: 1.061.862.250 đồng (trong đó khối lượng cát san lấp trị giá 253.270.050 đồng; khối lượng đất san lấp trị giá 808.592.200 đồng).

- Bản cáo trạng số 17/CT-VKSTB ngày 27 tháng 02 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình truy tố bị cáo Mai Văn B về tội "Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Hình sự; bị cáo Bùi Sỹ C về tội "Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 227 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Đồng Minh Ch, Nguyễn Mậu T và Bùi Anh B1 về tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 360 Bộ luật Hình sự.

- Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã kết luận.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng có mặt tại phiên tòa đều trình bày nhất trí với lời khai của các bị cáo và không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về tội danh: Đề nghị tuyên bố bị cáo Mai Văn B và Bùi Sỹ C phạm tội "Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên"; Các bị cáo Đồng Minh Ch, Nguyễn Mậu T và Bùi Anh B1 phạm tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng".

* Về hình phạt:

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo **Mai Văn B** từ 2 năm đến 2 năm 6 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 227, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo **Bùi Sỹ C** từ 1 năm đến 1 năm 6 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Mai Văn B và Bùi Sỹ C.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 360, điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50, Điều 54, Điều 65 Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Xử phạt bị cáo **Nguyễn Mậu T** từ 2 năm đến 2 năm 6 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, ấn đinh thời gian thử thách đối với bị cáo.

+ Xử phạt bị cáo **Bùi Anh B1** từ 2 năm đến 2 năm 6 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, ấn đinh thời gian thử thách đối với bị cáo.

+ Xử phạt bị cáo **Đồng Minh Ch** từ 1 năm 6 tháng đến 2 năm tù nhưng cho hưởng án treo, ấn đinh thời gian thử thách đối với bị cáo.

* Về hình phạt bổ sung: Đề nghị áp dụng Điều 41, khoản 4 Điều 360 Bộ luật Hình sự: Cấm các bị cáo Đồng Minh Ch, Nguyễn Mậu T đảm nhiệm chức vụ liên quan đến hoạt động quản lý về đất đai trong thời gian từ 01 năm đến 02 năm.

* Về biện pháp tư pháp: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 1.061.862.251 đồng (làm tròn 1.061.862.000 đồng) các bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả.

* Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 máy xúc nhãn hiệu DOOSAN màu cam đã qua sử dụng, thân vỏ máy bị hư hỏng nhiều chỗ, số loại SOLAR 55WV của bị cáo Mai Văn B, do sử dụng vào việc phạm tội.

- Trả lại 01 xe ô tô biển kiểm soát 17C-159.74 đã qua sử dụng cho Công ty TNHH XH;

- Trả lại anh Nguyễn Đức D: 02 máy nổ đã qua sử dụng gồm: 01 máy nổ loại 24 mã lực; 01 máy nổ loại 20 mã lực hiệu QUANGCHAI, số máy ZI2005300120895, 01 ống hút bằng sắt, chiều dài khoảng 2m, một đầu có mũi khoan dài khoảng 20 cm; 01 ống dẫn cát, đất bằng vải bạt dài khoảng 20m, đã qua sử dụng; 01 ống dẫn cát, đất bằng vải bạt dài khoảng 2m, đã qua sử dụng.

- Trả lại anh Nguyễn Văn C2: 01 máy nổ loại 24 mã lực đã qua sử dụng.

* Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

* Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội đã gây ra, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo mức hình phạt nhẹ nhất.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Thái Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng. Ngoài ra, còn được chứng minh bằng các chứng cứ sau: Biên bản sự việc do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình lập hồi 9 giờ ngày 28/7/2023 tại Công trình xây dựng quy hoạch mở rộng di tích lịch sử ĐC, xã TT, huyện TT1, tỉnh Thái Bình; Biên bản sự việc do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình lập hồi 10 giờ 15 phút ngày 28/7/2023 tại ao nhà ông Nguyễn Hữu Long ở thôn Lộ Trường, huyện TT1, tỉnh TT1, tỉnh Thái Bình; Các biên bản tạm giữ tài sản, đồ vật và Biên bản niên phong đồ vật, tài liệu bị tam giữ do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình lập ngày 28/7/2023 tại Công an huyện TT1, tỉnh Thái Bình; Các biên bản khám nghiệm hiện trường, Sơ đồ hiện trường và Bản ảnh hiện trường tại cánh đồng thôn LT; sân vận động thôn TX, hồ nuôi trồng T3 sản của gia đình ông Nguyễn Hữu Hảo, thôn TX, xã TT, huyện TT1, tỉnh Thái Bình; Văn bản số 25/CV ngày 06/9/2023 của Công ty cổ phần tư vấn Công nghệ môi trường Việt Nam đo đạc khối lượng đất, cát san lấp tại công trình ĐC thôn LT, xã TT, huyện TT1; Công văn số 2535 ngày 06/9/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Bình; Kết luận giám định số GĐ/12-2023 ngày 18/8/2023 của Trung tâm phân tích và kiểm định địa chất - Cục Địa chất Việt Nam; Kết luận định giá tài sản số 55 ngày 07/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự, Ủy ban nhân dân huyện TT1; Biên bản làm việc với Ủy ban nhân dân xã TT do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình lập hồi 16 giờ ngày 28/7/2023 xác định nguồn gốc diện tích đất các ao của các hộ dân mà Mai Văn B khai thác đất, cát trái phép; cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm

tra tại phiên tòa.

[3] Trên cơ sở đó có đủ căn cứ kết luận:

[3.1] Đối với hành vi của các bị cáo Mai Văn B, Bùi Sỹ C: Dù không được cấp phép khai thác tài nguyên khoáng sản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Từ tháng 02/2023 đến ngày 28/7/2023, bị cáo Mai Văn B đã chỉ đạo bị cáo Bùi Sỹ C và thuê người khai thác khoáng sản trái phép đất, cát tại 12 vị trí thuộc thôn LT, xã TT, huyện TT1 với tổng khối lượng là 7.754,91m$^3$ đất và cát, trị giá 1.061.862.250 đồng. Hành vi khai thác cát trái phép của các bị cáo B và C đã xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về khai thác tài nguyên, ảnh hưởng tới môi trường và thiên nhiên. Các bị cáo đều là có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý. Bị cáo Mai Văn B chỉ đạo khai thác tổng khối lượng là 7.754,91m$^3$ đất và cát, trị giá 1.061.862.250 đồng do đó hành vi của bị cáo B đã phạm vào tội "Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên" quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Bùi Sỹ C theo chỉ đạo của bị cáo B sử dụng máy múc khai thác tổng khối lượng đất khai thác trái phép là 6.219,94 m$^3$, trị giá 808.592.200 đồng tại 10 địa điểm trên địa bàn xã TT nên hành vi của bị cáo C đã phạm vào tội "Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên" quy định tại điểm b khoản 1 Điều 227 Bộ luật Hình sự.

[3.2] Đối với hành vi của các bị cáo Đồng Minh Ch, Nguyễn Mậu T, Bùi Anh B1: Các bị cáo Đồng Minh Ch chức vụ Chủ tịch UBND xã TT; Nguyễn Mậu T chức vụ Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã TT và Bùi Anh B1 chức vụ công chức địa Ch xã TT không thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình được giao, không ngăn chặn, đề xuất xử lý, xử lý để bị cáo Mai Văn B từ tháng 02/2023 đến 28/7/2023 đã khai thác trái phép 7.754,91m$^3$ đất và cát, trị giá 1.061.862.250 đồng. Hành vi của các bị cáo Ch, T, B1 đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai và khai thác tài nguyên, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi vô ý. Khi phát hiện hành vi vi phạm của bị cáo B, bị cáo T, B1 đã không tham mưu, đề xuất xử lý, bị cáo Ch không chỉ đạo xử lý vi phạm do đó các bị cáo Nguyễn Mậu T, Bùi Anh B1 phải chịu trách nhiệm toàn bộ số thiệt hại 1.061.862.250 đồng, bị cáo Đồng Minh Ch đến ngày 24/4/2023 mới biết Mai Văn B khai thác đất, cát trái phép nên chịu trách nhiệm về 4242,47m$^3$ đất và cát, gây thiệt hại 596.930.200 đồng. Vì vậy, hành vi của các bị cáo T, B1, Ch đã phạm vào tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng" quy định tại điểm c khoản 2 Điều 360 Bộ luật Hình sự.

Tội phạm và hình phạt được quy định như sau:

**Điều 227. Tội vi phạm quy định về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên**

*"1. Người nào vi phạm quy định về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên trong đất liền, hải đảo, nội T3, vùng lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa và vùng trời của Việt Nam mà không có giấy phép hoặc không đúng với nội dung giấy phép thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 1.500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:*

*.....*

***b) Khoáng sản trị giá từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng;***

*2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 1.500.000.000 đồng đến 5.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:*

*.....*

***b) Khoáng sản trị giá 1.000.000.000 đồng trở lên;***

**Điều 360. Tội thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng**

*"1. Người nào có chức vụ, quyền hạn vì thiếu trách nhiệm mà không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nhiệm vụ được giao thuộc một trong các trường hợp sau đây, nếu không thuộc trường hợp quy định tại các điều 179, 308 và 376 của Bộ luật này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 05 năm:*

*……*

*2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:*

*……..*

*c) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng.*

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

[4.1] Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4.2] Tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo B đã khắc phục hậu quả 800.000.000 đồng; có thời gian tham gia quân đội nhân dân Việt Nam; Bị cáo C phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Bị cáo Ch đã tự nguyện khắc phục hậu quả 100.000.000 đồng; quá trình công tác được tặng nhiều bằng khen, có bố đẻ được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhất; Bị cáo T đã tự nguyện khắc phục hậu quả 80.000.000 đồng; quá trình công tác được tặng nhiều bằng khen; có thời giam tham gia quân đội nhân dân Việt Nam; Bị cáo B1 đã tự nguyện khắc phục hậu quả 81.862.200 đồng; quá trình công tác được tặng nhiều bằng khen; có thời giam tham gia quân đội, mẹ đẻ được tặng Huy chương kháng

chiến hạng nhì, bố đẻ được hưởng chế độ người hoạt động cách mạng bị địch bắt tù đầy.

Do đó, bị cáo Mai Văn B được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy đinh tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo Bùi Sỹ C được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Các bị cáo Đồng Minh Ch, Nguyễn Mậu T, Bùi Anh B1 được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về tính chất mức độ hành vi của các bị cáo, xét thấy:

[5.1] Vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, bị cáo Mai Văn B là người trực tiếp đã chỉ đạo bị cáo C và thuê người khai thác khoáng sản trái phép đất, cát, do đó bị cáo B giữ vai trò Ch trong vụ án, bị cáo C giữ vai trò đồng phạm giúp sức cho bị cáo B. Do đó cần xem xét mức hình phạt của bị cáo B cao hơn mức hình phạt của bị cáo C.

[5.2] Các bị cáo T, B1 trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đã không thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình để bị cáo B khai thác đất, cát gây thiệt hại 1.061.862.250 đồng; bị cáo Ch đến ngày 24/4/2023 mới biết bị cáo B khai thác đất, cát trái phép gây thiệt hại 596.930.200 đồng. Tuy nhiên, khi xem xét mức hình phạt đối với các bị cáo thấy khi phát hiện bị cáo B có hành vi thay thế cát đen bằng đất nhưng do cát đen khó mua và sắp diễn ra lễ hội ĐC, đồng thời để đảm bảo công trình hoàn thành đúng tiến độ cho công trình và các bị cáo đều có 3 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 và có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên cần áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự xử các bị cáo T, B1, Ch mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng và mức hình phạt của bị cáo T, bị cáo B1 cao hơn mức hình phạt của bị cáo Ch.

[5.3] Các bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 51 Bộ luật Hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, có đủ điều kiện khả năng tự cải tạo, không gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương nên có đủ điều kiện cho các bị cáo được cải tại tại địa phương như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[6] Hình phạt bổ sung:

[6.1] Các bị cáo B, C là lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo B, C.

[6.2] Các bị cáo Ch, T không thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao nên cần áp dụng hình phạt bổ sung cấm đảm nhiệm chức vụ liên quan đến hoạt động quản lý về đất đai trong thời gian nhất định. Bị cáo B1 đã nghỉ hưu nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo B1.

[7] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

[7.1] Số tiền 1.061.862.251 đồng (làm tròn 1.061.862.000 đồng) là số tiền thiệt hại liên quan đến hành vi phạm tội, các bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả; bị cáo Mai Văn B 800.000.000 đồng theo Biên lai số 0000112 ngày 30/01/2024; bị cáo Đồng Minh Ch nộp 100.000.000 đồng theo Biên lai số 0000130; bị cáo Nguyễn Mậu T nộp 80.000.000 đồng theo Biên lai số 0000131; bị cáo Bùi Anh B1 nộp 81.862.200 đồng theo Biên lai số 0000129 cùng ngày 26/02/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

[7.2] Về xử lý vật chứng:

- 01 máy xúc nhãn hiệu DOOSAN màu cam đã qua sử dụng, thân vỏ máy bị hư hỏng nhiều chỗ, số loại SOLAR 55WV của bị cáo Mai Văn B, do sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

- 01 xe ô tô biển kiểm soát 17C-159.74 đã qua sử dụng, xác định là tài sản của Công ty TNHH XH; Năm 2021, anh Lê Xuân T3 – Phó Giám đốc cùng góp vốn 500.000.000 đồng để mua chiếc xe ô tô này vào năm 2022, bị cáo B sử dụng để chở cát anh T3 không biết, do vậy cần trả lại chiếc xe ô tô này cho Công ty TNHH XH.

- 02 máy nổ đã qua sử dụng gồm: 01 máy nổ loại 24 mã lực; 01 máy nổ loại 20 mã lực hiệu QUANGCHAI, số máy ZI2005300120895, 01 ống hút bằng sắt, chiều dài khoảng 2m, một đầu có mũi khoan dài khoảng 20 cm; 01 ống dẫn cát, đất bằng vải bạt dài khoảng 20m, đã qua sử dụng; 01 ống dẫn cát, đất bằng vải bạt dài khoảng 2m, đã qua sử dụng là do bị cáo B thuê anh D để hút cát, anh D không biết B hút cát trái phép nên cần trả lại anh Nguyễn Đức D.

- 01 máy nổ loại 24 mã lực đã qua sử dụng do bị cáo B thuê của anh C2 để hút cát, anh C2 không biết bị cáo B khai thác cát trái phép nên cần trả lại anh C2.

[8] **Những nội dung khác liên quan đến vụ án:**

[8.1] Đối với anh Vũ Đức H; anh Nguyễn Đức T; anh Nguyễn Văn Dũng, anh Phạm Duy T; anh Phạm Thanh H, anh Phạm Văn K, anh Phạm Văn H là các lái xe do bị cáo B thuê xe ô tô của họ để chở đất khai thác của các hộ gia đình về san lấp

công trình ĐC; anh Nguyễn Văn C2, anh Nguyễn Đức D, anh Nguyễn Quang Đ và anh Phạm Văn Lthuê để hút cát dưới ao để san lấp ĐC, những người này không được bị cáo B trao đổi, bàn bạc về việc khai thác đất trái phép và khối lượng đất các lái xe chở, những người hút cát không xác định được nên Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

[8.2] Đối với ông Vũ Văn T; ông Nguyễn Thái D, ông Phùng Văn X, ông Nguyễn Văn B, ông Nguyễn Huy C; bà Phạm Thị V, ông Nguyễn Khắc A, ông Nguyễn Cao C, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Hữu H là những gia đình có ao cho Mai Văn B khai thác đất, cát trái phép do không xác định được khối lượng đất, cát đã khai thác của từng hộ gia đình nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý là phù hợp.

[8.3] Đối với ông Hồ Trọng K, sinh năm 1951, Trưởng thôn TX, xã TT, huyện TT1 cho Mai Văn B đào 960 $m^3$ đất cải tạo mương thoát nước sân vận động của thôn để san lấp công trình ĐC chưa đủ yếu tố cấu thành Tội vi phạm quy định về khai thác tài nguyên và ông Kiển chết vào ngày 05/10/2023 nên không đặt ra xử lý là phù hợp.

[8.4] Đối với 06 xe ô tô biển kiểm soát 23C - 0060, 34C - 013.62, 34L - 6160, 16M - 6407, 16N - 7217, 15C - 000.06 do bị cáo B thuê của anh Phạm Duy T, anh Nguyễn Văn D, anh Phạm Văn H, anh Phạm Thanh H, anh Phạm Văn K và anh Nguyễn Đức T để chở đất khai thác trái phép, những người này không biết Mai Văn B khai thác đất trái phép. Ngày 07/01/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình đã ra Quyết định số 21 xử lý vật chứng trả lại 06 chiếc xe ô tô này cho chủ sở hữu là phù hợp.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

**1. Về tội danh:** Tuyên bố các bị cáo Mai Văn B và Bùi Sỹ C phạm tội "Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên"; Các bị cáo Đồng Minh Ch, Nguyễn Mậu T và Bùi Anh B1 phạm tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng".

**2. Về hình phạt:**

2.1. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Mai Văn B** 02 (Hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách 04 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 10/4/2024.

2.2. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 227, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Bùi Sỹ C** 01 (Một) năm tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách 02 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 10/4/2024.

2.3. Áp dụng điểm c khoản 2, khoản 4 Điều 360, điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 41, Điều 50, Điều 54, Điều 65 Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo **Đồng Minh Ch** 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách 03 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 10/4/2024. Cấm bị cáo Đồng Minh Ch đảm nhiệm chức vụ liên quan đến hoạt động quản lý về đất đai trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Mậu T** 02 (Hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách 04 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 10/4/2024. Cấm bị cáo Nguyễn Mậu T đảm nhiệm chức vụ liên quan đến hoạt động quản lý về đất đai trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2.4. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 360, điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50, Điều 54, Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Bùi Anh B1** 02 (Hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách 04 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 10/4/2024.

Giao các bị cáo Mai Văn B, Bùi Sỹ C, Đồng Minh Ch, Bùi Anh B1 cho Ủy ban nhân dân xã TT, huyện TT1, tỉnh Thái Bình quản lý, giám sát trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Nguyễn Mậu T cho Ủy ban nhân dân xã HD, huyện TT1, tỉnh Thái Bình quản lý, giám sát trong thời gian thử thách.

*Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.*

**3. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:** Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 1.061.862.251 đồng (làm tròn 1.061.862.000 đồng) các bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả theo các Biên lai số 0000112 ngày 30/01/2024; Biên lai số 0000129, 0000130, 0000131 cùng ngày 26/02/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 máy xúc nhãn hiệu DOOSAN màu cam đã qua sử dụng, thân vỏ máy bị hư hỏng nhiều chỗ, số loại SOLAR 55WV của bị cáo Mai Văn B.

- Trả lại 01 xe ô tô biển kiểm soát 17C - 159.74 đã qua sử dụng cho Công ty TNHH XH;

- Trả lại anh Nguyễn Đức D: 02 máy nổ đã qua sử dụng gồm: 01 máy nổ loại 24 mã lực; 01 máy nổ loại 20 mã lực hiệu QUANGCHAI, số máy ZI2005300120895, 01 ống hút bằng sắt, chiều dài khoảng 2m, một đầu có mũi khoan dài khoảng 20 cm; 01 ống dẫn cát, đất bằng vải bạt dài khoảng 20m, đã qua sử dụng; 01 ống dẫn cát, đất bằng vải bạt dài khoảng 2m, đã qua sử dụng.

- Trả lại anh Nguyễn Văn C2: 01 máy nổ loại 24 mã lực đã qua sử dụng.

Số vật chứng có đặc điểm như trong Biên bản giao nhận, bảo quản tang vật, tài sản thi hành án ngày 27/02/2024 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình.

**4. Về án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Mai Văn B, Bùi Sỹ C, Nguyễn Mậu T, Bùi Anh B1, Đồng Minh Ch mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

**5. Quyền kháng cáo:** Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

***Nơi nhận:***
- TAND Tối cao;
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Công an tỉnh Thái Bình;
- Trại tạm giam CA tỉnh Thái Bình;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Cục THADS tỉnh Thái Bình;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Ủy ban nhân dân xã TT;
- Ủy ban nhân dân xã HD;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
**(đã ký)**

**Phạm Ngọc Thành**

- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu HC-TP.